

Số: 49/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do
ngân sách tỉnh đảm bảo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 01/2021/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết
toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc
gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6
năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 9373/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực
hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách tỉnh đảm bảo trên địa bàn tỉnh
Phú Thọ.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê do
ngân sách tỉnh đảm bảo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Điều 4
Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22
tháng 6 năm 2022.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến các cuộc điều tra
thống kê do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 2. Nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách tỉnh đảm bảo trên địa bàn tỉnh

1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu điều tra thống kê và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê) như sau:

a) Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê: 20 triệu đồng;

b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê của cơ quan điều tra thống kê: 7 triệu đồng.

2. Mức chi tiền công thuê ngoài

Mức tiền công thuê ngoài được tính theo ngày trên cơ sở mức tiền lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê.

Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường.

3. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, mức chi cụ thể như sau:

a) Đối với cá nhân:

Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 35.000 đồng/phiếu.

Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 40.000 đồng/phiếu.

Trên 40 chỉ tiêu: 50.000 đồng/phiếu.

b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):

Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 70.000 đồng/phiếu.

Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 80.000 đồng/phiếu.

Trên 40 chỉ tiêu: 90.000 đồng/phiếu.

c) Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của nhà nước, mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định tại điểm b khoản này.

4. Chi xử lý kết quả điều tra thống kê

Chi nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê: Thực hiện khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thống kê thu thập số liệu; mức khoán cụ thể tùy theo tính chất phức tạp của phiếu điều tra thống kê trong các cuộc điều tra thống kê, nhưng tối đa không quá 7% tiền công chi trả điều tra viên thống kê thu thập số liệu.

5. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022; các văn bản dẫn chiếu được bổ sung, sửa đổi và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 328/2023/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

b) Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

c) Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

d) Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê địa phương trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Tư thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HĐ^{1,7}.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình